| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số 128/2019/DS-ST
Ngày 26-4-2019
V/v đòi tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Bảo Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Đỗ Thị A;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Cúc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Quỳnh Mai.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 545/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2018 về đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963; Địa chỉ thường trú: đường P, Phường D, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1965; Địa chỉ thường trú: đường H, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 13/11/2018 lập tại Văn phòng công chứng C) (có Đơn xin xét xử vắng mặt).

*2. Bị đơn:* Ông Đoàn Trung C, sinh năm 1985; Địa chỉ thường trú: đường S, Phường D, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2018, bản tự khai ngày 16/11/2018 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ – bà Nguyễn Thị M có ông Nguyễn Văn K là người đại diện ủy quyền khai trình như sau:*

Vào tháng 6/2017 do có nhu cầu xin visa đi Mỹ nên bà Nguyễn Thị M, thông qua cháu trai bà giới thiệu nhờ ông Đoàn Trung C làm thủ tục xin visa đi Mỹ với giá là 5.000USD. Theo thỏa thuận thì bà M sẽ đưa trước cho ông C

4.500USD, số tiền này bà M chia làm 02 đợt: đợt 1 đưa cho ông C 2.000USD vào tháng 3/2017, đợt 2 đưa tiếp cho ông C 2.500USD. Đôi bên có lập biên nhận xác nhận đã nhận 02 đợt tiền này. Tổng số tiền bà M đã đưa ông C là 4.500USD. Số tiền 500USD còn lại bà M sẽ đưa cho ông C khi bà được cấp visa. Trường hợp, bà không được cấp visa đi Mỹ thì ông C trả lại cho bà 3.700USD. Ông C có hứa với bà đến tháng 10/2017 sẽ thực hiện thủ tục xin visa đi Mỹ. Nhưng tới tháng 10/2017 chưa thấy ông C làm thủ tục, bà M hỏi thì ông C nói việc xin visa đi Mỹ tốn rất nhiều tiền, nên ông không làm cho bà được. Sau đó, bà M có yêu cầu ông C trả lại 3.700USD như đã thỏa thuận ban đầu, ông C hẹn qua năm 2018 sẽ trả lại tiền cho bà. Tuy nhiên, đến nay ông vẫn không trả tiền cho bà. Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đoàn Trung C phải trả lại 3.700USD được quy ra bằng tiền đồng Việt Nam tại thời điểm xét xử sơ thẩm, trả một lần ngay sau khi bản án/quyết định có hiệu lực pháp luật.

**Bị đơn ông Đoàn Trung C:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông C vắng mặt không lý do.

Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án trên ra xét xử.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M yêu cầu bị đơn ông Đoàn Trung C phải trả lại 3.700USD cho bà M do ông C đã không làm được việc xin visa đi Mỹ, nên đây là vụ án về Đòi tài sản quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự và khoản 14 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Đoàn Trung C có hộ khẩu thường trú tại 313/7/8E đường 3/2, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án nhân dân Quận 10 đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông C đều vắng mặt và cũng không có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, ông C tiếp tục vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án. Xét, sự vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng

đến nội dung giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo Biên nhận về việc làm visa ngày 09/6/2017 do nguyên đơn nộp thì ông C cam kết rằng*"...có nhận làm visa đi Mỹ với số tiền 5.000 dollar cho cô Nguyễn Thị M sanh năm 1963. Địa chỉ: 633/32 Lê Hồng Phong F.10, Quận 10, TPHCM Cô Mỹ đặc cọc trước cho tôi 4.500usd..."*, phía dưới tờ biên nhận này có chữ viết và chữ ký mang tên Đoàn Trung C. Mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông C đều vắng mặt trong suốt quá trình quá trình giải quyết vụ án, việc này xem như ông C từ bỏ quyền trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quyền cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ khoản 2 và khoản 4 Điều 91, Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai và chứng cứ của nguyên đơn nên có cơ sở xác định ông C có nhận của bà M số tiền 4.500USD.

Cũng theo nội dung của tờ biên nhận nêu trên thì ông C có cam kết rằng *"...Sau khi làm xong cô M được cấp visa (usa) thì cô Mỹ sẽ đưa thêm 500 usd (năm trăm usd). Nếu cô M không được cấp visa thì tôi sẽ hoàn trả 3.700usd cho cô M"*. Theo khoản 13 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi Pháp lệnh ngoại hối năm 2013 thì *"Trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các hình thức tương tự khác của người cư trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối, trừ các trường hợp được phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam"*, nên sự thỏa thuận giữa bà M và ông C là trái quy định pháp luật do các bên đã giao dịch với nhau bằng tiền đô la Mỹ. Căn cứ Điều 123 và Điều 131 Bộ luật Dân sự, có cơ sở xác định giao dịch giữa bà M và ông C là vô hiệu và ông C phải có nghĩa vụ trả lại cho bà M 4.500USD. Tuy nhiên, bà M chỉ yêu cầu ông C trả lại 3.700USD, đây là yêu cầu hoàn toàn có lợi cho phía bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà M đối với yêu cầu này.

[2.2] Về thời hạn và phương thức thanh toán: Xét, thời gian ông C giữ số tiền đã nhận của bà M đã quá lâu (từ tháng 6/2017) mặc dù đã được bà M gửi thông báo nhắc nhở, nên cần thiết buộc ông C phải trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Đoàn Trung C phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền là 3.700USD x 23.230VNĐ = 85.951.000VNĐ (Tám mươi lăm triệu chín trăm năm mươi mốt ngàn đồng), theo tỷ giá ngoại tệ đăng trên Báo Sài gòn giải phóng ngày 26/4/2019 với giá mua 1USD là 23.230VNĐ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí

dân sự sơ thẩm trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 14 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 123, 131, 166 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ khoản 13 Điều 1 Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18/3/2013 của Ủy ban thường vụ quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Thi hành án dân sự số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Đoàn Trung C phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 85.951.000đ (Tám mươi lăm triệu chín trăm năm mươi mốt ngàn đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành bản án nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đoàn Trung C phải chịu số tiền là 4.297.550đ (Bốn triệu hai trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm năm mươi đồng). Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị M số tiền 2.099.750đ (Hai triệu không trăm chín mươi chín ngàn bảy trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016526 ngày 24/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành*

*án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Bảo Ngọc**